

Số: /QĐ-NTTHN

Hoài Nhơn Tây, ngày tháng 12 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 của Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn

### GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM NUÔI DƯỠNG NGƯỜI TÂM THẦN HOÀI NHƠN

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính quy định Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Quyết định số 660/QĐ-UBND ngày 11/7/2025 của Sở Y tế Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn thuộc Sở Y tế tỉnh Gia Lai;*

*Căn cứ Quyết định số 4724/QĐ-SYT ngày 31/12/2025 của Sở Y tế Gia Lai về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;*

*Xét đề nghị của Trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 của Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn.

*(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng Phòng Hành chính - Tổng hợp, Trưởng các phòng chuyên môn, phụ trách kế toán tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Sở Y tế;
- Lãnh đạo TT;
- Lưu: VT.

**GIÁM ĐỐC**

**Trần Hoàng Nguu**

**Phụ lục**  
**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**  
(Kèm theo Quyết định số:       /QĐ-NTTHN ngày       /       /2025 của Trung tâm Nuôi  
dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn)  
DVT: đồng

| STT      | Nội dung                                                                                                                                              | TCNKP | Tổng số                                                       | Kinh phí thực hiện    |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|---------------------------------------------------------------|-----------------------|
|          | <b>Mã số QHSDNS</b>                                                                                                                                   |       | <b>1092287</b>                                                | <b>1092287</b>        |
|          | <b>Mã số Loại</b>                                                                                                                                     |       | <b>370</b>                                                    | <b>370</b>            |
|          | <b>Mã số Khoản</b>                                                                                                                                    |       | <b>398</b>                                                    | <b>398</b>            |
| <b>A</b> | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>                                                                                                    |       |                                                               |                       |
| <b>B</b> | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                                                                                                                 |       |                                                               |                       |
|          | <b>Chi sự nghiệp bảo đảm xã hội</b>                                                                                                                   |       |                                                               |                       |
| <b>1</b> | <b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</b>                                                                                                                 |       |                                                               |                       |
| -        | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ tài chính                                                                                                            |       |                                                               |                       |
| <b>2</b> | <b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>                                                                                                           |       | <b>-2.183.682.000</b>                                         | <b>-2.183.682.000</b> |
| a        | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                                                                                                                      |       |                                                               |                       |
| b        | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                                                                                                                |       | -2.183.682.000                                                | -2.183.682.000        |
| -        | Kế hoạch thực hiện đề án trợ giúp xã hội cho người khuyết tật, người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng                                              | 12    | -2.634.000                                                    | -2.634.000            |
| -        | Chương trình nâng cao chất lượng bảo vệ, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, trẻ em khuyết tật và các đối tượng cần trợ giúp xã hội giai đoạn 2021-2030 | 12    | -4.261.000                                                    | -4.261.000            |
| -        | Kinh phí thực hiện chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng tâm thần quy định được chăm sóc, nuôi dưỡng tại Trung tâm                                    | 12    | -501.010.000                                                  | -501.010.000          |
| -        | Hỗ trợ kinh phí phòng cháy, chữa cháy; mua sắm tài sản, máy móc trang thiết bị phục vụ công tác cho Trung tâm                                         | 12    | -26.451.000                                                   | -26.451.000           |
| -        | Chi trả tiền lương, tiền công cho hợp đồng lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ, chăm sóc trực tiếp đối tượng tại Trung tâm                         | 12    | -554.336.000                                                  | -554.336.000          |
| -        | Kinh phí để thực hiện mua sắm mới 01 xe ô tô 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung của Trung tâm                                                         | 12    | -1.094.990.000                                                | -1.094.990.000        |
|          | <i>Phòng Giao dịch thuộc Kho bạc Nhà nước khu vực nơi đơn vị sử dụng NS giao dịch</i>                                                                 |       | <i>Kho bạc Nhà nước khu vực XV<br/>- Phòng Giao dịch số 4</i> |                       |